

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA

Số: **296**/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày **26** tháng 6 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình  
Duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp Trường Trung học cơ sở Dân tộc  
bán trú Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT- BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 4899/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt dự toán, danh mục mua sắm trang thiết bị, đồ dùng và dự toán duy tu, sửa chữa, cải tạo các trường phổ thông dân tộc bán trú thuộc Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3014/SXD - HĐXD ngày 09/6/2017, kèm theo hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp Trường Trung học cơ sở Dân tộc bán trú (THCSDTBT) Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp Trường THCSDTBT Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

**1. Tên công trình:** Duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp Trường THCSDTBT Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình dân dụng, cấp III.

**3. Chủ đầu tư:** Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa.

**4. Địa điểm xây dựng:** Khuôn viên Trường THCSDTBT Giao Thiện, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

## 5. Quy mô đầu tư:

### 5.1. Nhà bếp:

- Hiện trạng: Toàn bộ trần nhựa khung xương các phòng hư hỏng; toàn bộ lớp trát tường trong và ngoài nhà đã thấm mốc, bong tróc; toàn bộ nền nhà lát gạch đỏ kích thước 200x200mm đã hư hỏng, bong tróc; cửa sổ phòng bếp nấu đã hư hỏng.

- Giải pháp sửa chữa, cải tạo: Tháo dỡ hệ thống trần cũ, đóng lại bằng trần tôn khung xương; cạo bỏ và trát lại tường trong và ngoài nhà, quét sơn 3 nước hoàn thiện; phá dỡ gạch lát nền cũ, lát lại nền bằng gạch ceramic 400x400mm; tháo dỡ, thay thế hoa sắt, cửa sổ phòng bếp; xây mới, láng granito tam cấp; tôn nền phòng bảo vệ và phòng để đồ; dịch chuyển cửa sổ, bổ sung cửa đi phòng để đồ.

### 5.2. Nhà ăn 1:

- Hiện trạng: Toàn bộ trần phen đã rách nát, hư hỏng nặng; toàn bộ hệ thống mái ngói, mái fipro xi măng, xà gồ luồng đã dột nát, hư hỏng; toàn bộ nền nhà láng xi măng đã hư hỏng, bong tróc; toàn bộ lớp trát tường trong và ngoài nhà đã thấm mốc, bong tróc.

- Giải pháp sửa chữa, cải tạo: Tháo dỡ hệ thống trần cũ, đóng lại bằng trần tôn khung xương; tháo dỡ, thay thế toàn bộ phần mái hiện trạng bằng mái tôn chống nóng, thay thế xà gồ luồng bằng xà gồ thép hình, làm mới hệ giằng thu hồi bằng BTCT; phá dỡ nền cũ, lát lại nền bằng gạch ceramic 400x400mm; cạo bỏ toàn bộ lớp trát tường cũ, trát và quét lại sơn 3 nước tường trong và ngoài nhà.

### 5.3. Nhà ăn 2:

- Hiện trạng: Toàn bộ nền nhà láng xi măng bị hư hỏng, sụt lún; toàn bộ lớp vôi ve tường trong và ngoài nhà đã hư hỏng, bong tróc.

- Giải pháp sửa chữa, cải tạo: Phá dỡ nền cũ, lát lại nền bằng gạch ceramic 400x400mm; cạo bỏ lớp vôi ve cũ và quét lại sơn 3 nước tường trong và ngoài nhà.

*(Nội dung chi tiết theo hồ sơ thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Sở Xây dựng kèm theo Tờ trình số 3014/SXD- HĐXD ngày 09/6/2017)*

**6. Tổng mức đầu tư: 496.079.000 đồng** (Bằng chữ: *Bốn trăm chín mươi sáu triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Trong đó:

- |                          |                   |
|--------------------------|-------------------|
| - Chi phí xây dựng:      | 394.247.000 đồng. |
| - Chi phí QLDA:          | 11.762.897 đồng.  |
| - Chi phí tư vấn ĐTXDCT: | 51.582.866 đồng.  |
| - Chi phí khác:          | 28.759.627 đồng.  |
| - Chi phí dự phòng:      | 9.727.048 đồng.   |

*(Chi tiết tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo).*

**7. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí Trung ương bổ sung theo mục tiêu năm 2016; nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

**8. Hình thức quản lý dự án:** Theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo (chủ đầu tư) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng các quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

2. Các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động giải quyết các công việc có liên quan đến ngành, đơn vị; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn, phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện.

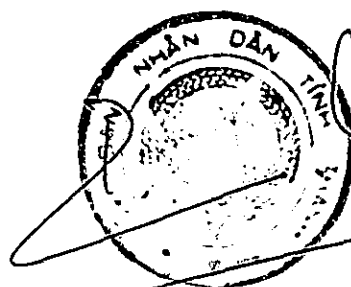
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó PCT UBND tỉnh Phạm Đăng Quyền;
- PCVP UBND tỉnh Phạm Đình Minh;
- Lưu:VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

**Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**  
**Công trình: Duy tu, sửa chữa, cải tạo nhà ăn, nhà bếp Trường THCS DTBT**  
**Giao Thiện, huyện Lăng Chánh, tỉnh Thanh Hóa.**  
(Kèm theo Quyết định số 2196/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

| TT  | Khoản chi phí                                                       | Ký hiệu           | Cách tính                                                                            | Thành tiền  |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| I   | CHI PHÍ XÂY DỰNG                                                    | G <sub>XD</sub>   |                                                                                      | 394.247.000 |
|     | Cải tạo, sửa chữa nhà ăn, nhà bếp                                   |                   | Theo bảng tổng hợp dự toán chi phí xây dựng                                          | 394.247.000 |
| II  | CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN                                               | G <sub>QLDA</sub> | 3,282% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                         | 11.762.897  |
| III | CHI PHÍ TVẾT XÂY DỰNG                                               | G <sub>TV</sub>   | 1+...+7                                                                              | 51.582.866  |
| I   | Chi phí khảo sát                                                    |                   | Theo Quyết định số 282/QĐ-SGDĐT ngày 05/4/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo            | 7.549.992   |
| 2   | Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật                              |                   | 6,5% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                           | 25.626.055  |
| 3   | Chi phí thẩm định thiết kế                                          |                   | 0,165% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                         | 591.371     |
| 4   | Chi phí thẩm định dự toán                                           |                   | 0,16% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                          | 573.450     |
| 5   | Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp                   |                   | 0,432% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                         | 1.703.147   |
| 6   | Tư vấn giám sát thi công xây dựng                                   |                   | 3,285% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                         | 12.951.014  |
| 7   | Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư                              |                   | 20% $\times$ G <sub>QLDA</sub>                                                       | 2.587.837   |
| IV  | CHI PHÍ KHÁC                                                        | G <sub>K</sub>    | 1+...+6                                                                              | 28.759.627  |
| 1   | Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (tạm tính)                        |                   | Theo Văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013                                          | 5.000.000   |
| 2   | Lệ phí thẩm định BCKTKT                                             |                   | 0,019% $\times$ TMĐT                                                                 | 94.255      |
| 3   | Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp         |                   | Mức tối thiểu                                                                        | 2.000.000   |
| 4   | Chi phí bảo hiểm công trình                                         |                   | 0,8% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                           | 3.153.976   |
| 5   | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán                              |                   | 0,95% $\times$ TMĐT                                                                  | 4.712.751   |
| 6   | Chi phí hạng mục chung                                              |                   | 6.1+6.2                                                                              | 13.798.645  |
| 6.1 | Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và Điều hành thi công |                   | 1% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                             | 3.942.470   |
| 6.2 | Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế  |                   | 2,5% $\times$ (G <sub>XD</sub> ) Trước VAT                                           | 9.856.175   |
| V   | CHI PHÍ DỰ PHÒNG                                                    | G <sub>DP</sub>   |                                                                                      | 9.727.048   |
|     | Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh                            |                   | (G <sub>XD</sub> +G <sub>TV</sub> +G <sub>QLDA</sub> +G <sub>K</sub> ) $\times$ 2%   | 9.727.048   |
|     | <b>TỔNG CỘNG:</b>                                                   | G <sub>TMĐT</sub> | G <sub>XD</sub> +G <sub>QLDA</sub> +G <sub>TV</sub> +G <sub>K</sub> +G <sub>DP</sub> | 496.079.437 |
|     | <b>LÀM TRÒN</b>                                                     |                   |                                                                                      | 496.079.000 |